

Số: /QĐ-KKT

Khánh Hòa, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 24/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được điều chỉnh, bổ sung, Thủ trưởng cơ quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- KBNN KV XIII (VBĐT);
- Lưu: VT, VP, PTTV,04.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Hồng Phương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KKT ngày /4/2025
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	784
I	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong (Mã ĐVQHNS: 1010362)	784
1	Quản lý hành chính (Chương 505, Loại 340)	784
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13, khoản 341)	759
	Kinh phí Hợp đồng lao động	128
	Kinh phí hoạt động định mức	631
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 13, khoản 341)	70
	Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	70
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12, khoản 341)	-44,2
	Bổ sung chế độ lễ, Tết Nguyên đán	-44,2
1.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 18, khoản 341)	
2	Các hoạt động kinh tế (Chương 505, Loại 280)	
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12, khoản 338)	